

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK KÔI**

Số: /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Kôi, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật**

Thực hiện Công văn số 602/SYT ngày 07/02/2026 của Sở Y tế tỉnh về việc phối hợp báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật. Ủy ban nhân dân xã Đắk Kôi báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT BỐI CẢNH VÀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 39-CT/TW

I. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG TỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Xã Đắk Kôi, tỉnh Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Đắk Kôi và Đắk Tơ Lung (cũ), thực hiện Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025. Sau sáp nhập xã Đắk Kôi có diện tích tự nhiên là 45.047,81 ha (*trong đó: Đắk Tơ Lung (cũ) là 12.420,1 ha và Đắk Kôi (cũ) là 32.627,71 ha*), dân số 5.813 người (*trong đó: Đồng bào DTTS: 5.484 người, chiếm tỷ lệ 94,34%*) trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía đông giáp xã Đắk Rve; Phía tây giáp phường Đắk Cấm; phía Nam giáp xã Kon Braih; phía bắc xã Măng Đen. Hiện nay, xã Đắk Kôi có 17 thôn và 1.571 hộ, trong đó hộ nghèo 132 hộ, tỷ lệ 8,27%, hộ cận nghèo 103 hộ, tỷ lệ 6,45%; tuy nhiên chịu tác động đáng kể của dịch bệnh Covid-19 (đặc biệt các năm 2020-2021) làm gián đoạn việc làm, giảm thu nhập, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề và các hoạt động hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu cải cách hành chính, công tác trợ giúp người khuyết tật đặt ra yêu cầu đồng bộ về dữ liệu, quy trình xác định mức độ khuyết tật, chi trả trợ cấp và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản. Song song đó, nhận thức của cộng đồng về quyền của người khuyết tật có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rào cản về tâm lý của người khuyết tật.

Toàn xã hiện có 101 người khuyết tật; Trong đó đặc biệt nặng: 21 người, nặng: 46 người; người khuyết tật nhẹ: 34 người; số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tính đến tháng 02 năm 2026: 67 người; số trẻ em khuyết tật: 18 em.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 39-CT/TW

1. Việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị số 39-CT/TW

Ngay sau khi Chỉ thị số 39-CT/TW được ban hành, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, UBMTTQVN và các tổ chức chính trị- xã hội xã¹ đã tổ chức phổ biến, quán triệt các nội dung cốt lõi của Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách, thôn trưởng, ban công tác Mặt trận và các đoàn thể.

Hình thức tuyên truyền được lồng ghép trong họp Ban Chỉ đạo; sinh hoạt chi bộ, cơ quan, thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các nhóm Zalo, Facebook, hoạt động của tổ nông dân tự quản, các buổi tư vấn - truyền thông tại cộng đồng, trên hệ thống pano, áp phích, tài liệu tuyên truyền,... Nội dung tập trung vào quyền của người khuyết tật; chính sách trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế, giáo dục hòa nhập, học nghề - việc làm; công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; vận động xóa bỏ kỳ thị, phân biệt đối xử.

Từ năm 2020 đến 2025, xã đã tổ chức, phối hợp tổ chức 25 lượt tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về người khuyết tật; tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng Ngày Người khuyết tật Việt Nam 18/4 và Ngày Người khuyết tật thế giới 03/12 hằng năm.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW

2.1. Việc thể chế hóa các nội dung của Chỉ thị số 39-CT/TW

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và triển khai các văn bản, kế hoạch để chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác người khuyết tật theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, đồng thời cụ thể hóa lồng ghép trong các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe ban đầu và xây dựng nông thôn mới. Việc thực hiện chính sách tại cơ sở bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn cấp trên để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật.

2.2. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW

Xã thực hiện kiểm tra, giám sát lồng ghép thông qua:

- Kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính và kiểm tra việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội.

¹ xã Đăk Kôi và Đăk Tơ Lung (cũ)

- Giám sát của HĐND xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể đối với việc giải quyết chế độ, chính sách.

Kết quả: Cơ bản bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy trình; kịp thời chấn chỉnh các trường hợp hồ sơ thiếu thành phần, chậm cập nhật biến động, sai sót trong biểu mẫu.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 39-CT/TW

I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 39-CT/TW

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về người khuyết tật

1.1. Tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

- Duy trì tuyên truyền thường xuyên trên hệ thống truyền thanh; lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp dân, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chi tổ hội.

- Phối hợp tổ chức tư vấn, truyền thông tại cộng đồng về chính sách trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục hòa nhập; vận động xóa bỏ kỳ thị.

1.2. Xây dựng và thực hiện hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho người khuyết tật

- Tăng cường thông tin qua nền tảng số (nhóm Zalo, trang thông tin của xã), cung cấp nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng.

1.3. Phát hành tài liệu truyền thông phù hợp

- Phát hành tờ rơi, sổ tay tuyên truyền khi có nguồn cấp trên hỗ trợ hướng dẫn gia đình chăm sóc người khuyết tật tại nhà.

1.4. Truyền thông nhân các ngày kỷ niệm liên quan

- Tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà cho người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn dịp 18/4, 03/12 và các dịp lễ, Tết.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật

2.1. Công tác xác định, quản lý đối tượng và cải cách thủ tục hành chính

- Duy trì hoạt động Hội đồng xác định mức độ khuyết tật theo quy định; thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn hồ sơ, niêm yết thủ tục hành chính và giải quyết đúng thời hạn.

- Thực hiện rà soát, cập nhật biến động đối tượng theo định kỳ và đột xuất; đồng bộ thông tin với hệ thống quản lý đối tượng bảo trợ xã hội khi được triển khai; tăng cường số hóa hồ sơ, lưu trữ khoa học.

2.2. Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế

- Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho người khuyết tật đủ điều kiện; hướng dẫn hồ sơ hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp cho người chăm sóc (*khi đủ điều kiện*). Số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là 67 người, người chăm sóc người khuyết tật nặng đặc biệt là 23 người.

- Phối hợp cấp thẻ bảo hiểm y tế, đảm bảo duy trì thẻ BHYT theo quy định; hướng dẫn người khuyết tật tiếp cận dịch vụ y tế.

2.3. Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

- Trạm Y tế xã lập hồ sơ quản lý sức khỏe, theo dõi khám cho đối tượng.

- Lòng ghép phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; hướng dẫn người chăm sóc kỹ năng cơ bản; giới thiệu người khuyết tật đến tuyến trên khi cần can thiệp chuyên sâu.

2.4. Giáo dục - đào tạo và giáo dục hòa nhập

- Phối hợp nhà trường tạo điều kiện để trẻ em khuyết tật học hòa nhập; thực hiện đầy đủ chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học tập theo quy định.

- Tăng cường phối hợp gia đình - nhà trường - đoàn thể để hỗ trợ tâm lý, kỹ năng hòa nhập.

2.5. Dạy nghề, việc làm và tín dụng chính sách: Phối hợp đơn vị liên quan tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; ưu tiên hộ gia đình có người khuyết tật tiếp cận vốn tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội; lòng ghép hỗ trợ sinh kế.

2.6. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, du lịch và tiếp cận công trình công cộng

- Tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phù hợp; khuyến khích hình thành các nhóm/câu lạc bộ sinh hoạt.

- Trong cải tạo, xây dựng mới công trình công cộng của xã, từng bước quan tâm tiêu chuẩn tiếp cận (lối đi, tay vịn, nhà vệ sinh phù hợp) theo quy chuẩn hiện hành, phù hợp điều kiện ngân sách.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp người khuyết tật

Xã chú trọng vận động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm, doanh nghiệp, các chương trình dự án để hỗ trợ người khuyết tật và gia đình người khuyết tật. Các hình thức hỗ trợ chủ yếu: tặng quà, hỗ trợ phương tiện trợ giúp (xe lăn, dụng cụ đi lại) với tổng kinh phí trên 500tr đồng

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể đã triển khai nhiều hoạt động chăm lo, trợ giúp người khuyết tật gắn với các phong trào thi đua, cuộc vận động (*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới; vì người nghèo; đền ơn đáp nghĩa; các chương trình an sinh xã hội...*). Đồng thời, thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức/nhóm của người khuyết tật

Xã khuyến khích người khuyết tật tham gia các tổ chức đoàn thể phù hợp; hỗ trợ tiếp cận thông tin, tham gia tập huấn kỹ năng và các hoạt động hòa nhập.

6. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, khen thưởng

Thực hiện rà soát, đối chiếu hồ sơ chi trả trợ cấp xã hội định kỳ; xử lý, đề nghị xử lý các trường hợp lợi dụng chính sách. Trong 5 năm qua không thấy có sai phạm.

II. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

1. Hạn chế

- Nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, một số hoạt động hỗ trợ phục hồi chức năng, cải tạo tiếp cận công trình công cộng chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác truyền thông chuyên sâu (*tài liệu dễ tiếp cận, ngôn ngữ ký hiệu, nội dung số phù hợp*) còn ít; kỹ năng số của một bộ phận người khuyết tật và gia đình còn hạn chế.

- Việc hỗ trợ học nghề, tạo việc làm phù hợp còn khó khăn do không cơ sở đào tạo nghề, việc làm phù hợp tại địa bàn; mô hình sinh kế bền vững chưa nhiều.

- Một số rào cản về thái độ xã hội, tâm lý tự ti của người khuyết tật vẫn còn nhất là người DTTS trên địa bàn xã.

2. Nguyên nhân

- a) *Nguyên nhân chủ quan*: công tác phối hợp có lúc chưa thường xuyên; việc cập nhật dữ liệu, tổng hợp số liệu còn phụ thuộc nhiều vào năng lực cán bộ kiêm nhiệm.

- b) *Nguyên nhân khách quan*: Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng kéo dài; điều kiện kinh tế của nhiều hộ gia đình còn khó khăn; các đối tượng người khuyết tật là người dân tộc thiểu số có đời sống khó khăn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hạ tầng tiếp cận cần nguồn lực lớn; các chương trình hỗ trợ chuyên biệt chưa phủ rộng.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NÚT THẮT CẦN THÁO GỖ

- Khó khăn về kinh phí cho phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, hỗ trợ dụng cụ trợ giúp, cải tạo tiếp cận công trình công cộng.

- Vướng mắc trong việc chuẩn hóa, số hóa dữ liệu người khuyết tật; cập nhật biến động dân cư; liên thông thông tin giữa các ngành.

- Thiếu mô hình việc làm phù hợp cho người khuyết tật tại chỗ; không có cơ sở sản xuất, kinh doanh có điều kiện tiếp nhận lao động là người khuyết tật.

- Nhu cầu hỗ trợ tâm lý, kỹ năng sống độc lập và hòa nhập cộng đồng ngày càng tăng nhưng lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên còn mỏng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể, cũng như cộng đồng dân cư đối với công tác người khuyết tật có chuyển biến tích cực; các chế độ, chính sách cơ bản được triển khai kịp thời, đúng quy định; đời sống vật chất và tinh thần của người khuyết tật từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, các hạn chế về nguồn lực, việc làm và hạ tầng tiếp cận vẫn là thách thức cần tập trung tháo gỡ trong thời gian tới.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, xu hướng già hóa dân số, tai nạn giao thông, tai nạn lao động và bệnh không lây nhiễm có thể làm gia tăng số người khuyết tật; yêu cầu chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng cao. Biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan cũng có thể tác động đến sinh kế và khả năng tiếp cận dịch vụ của người khuyết tật, nhất là nhóm người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trách nhiệm của chính quyền và sự tham gia của MTTQ, các đoàn thể, cộng đồng trong công tác người khuyết tật; bảo đảm người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ, bình đẳng các dịch vụ y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội, văn hóa - thể thao và cơ hội việc làm; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp; ứng dụng chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp liên ngành

- Cụ thể hóa nhiệm vụ công tác người khuyết tật trong chương trình công tác hằng năm của cấp ủy, chính quyền; phân công rõ đầu mối, trách nhiệm phối hợp giữa công chức Văn hóa - Xã hội, Y tế, Tư pháp - Hộ tịch, Công an, đoàn thể và ấp.

- Tăng cường chế độ báo cáo, thống kê; kịp thời tham mưu giải quyết các vấn đề phát sinh.

2. Về truyền thông, nâng cao nhận thức

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông: truyền thanh, sinh hoạt cộng đồng, truyền thông số; ưu tiên nội dung dễ hiểu, dễ tiếp cận.

- Tổ chức truyền thông chuyên đề nhân các ngày kỷ niệm; nhân rộng các tấm gương vượt khó.

3. Về quản lý đối tượng, dữ liệu và cải cách hành chính

- Chuẩn hóa hồ sơ, quy trình xác định mức độ khuyết tật; tăng cường số hóa hồ sơ; cập nhật biến động kịp thời.

- Phối hợp triển khai cơ sở dữ liệu người khuyết tật theo hướng liên thông với dữ liệu dân cư khi có hướng dẫn.

4. Về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

- Duy trì lập hồ sơ quản lý sức khỏe, khám định kỳ; tăng cường tư vấn, phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em.

- Phối hợp vận động nguồn lực hỗ trợ dụng cụ trợ giúp, phục hồi chức năng và cải thiện tiếp cận dịch vụ y tế.

5. Về giáo dục hòa nhập, học nghề - việc làm

- Tăng cường phối hợp nhà trường bảo đảm quyền học tập của trẻ em khuyết tật; hỗ trợ phương tiện, tài liệu học tập theo quy định.

- Tư vấn học nghề, định hướng nghề nghiệp; kết nối doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tạo việc làm phù hợp; phát huy tín dụng chính sách và mô hình sinh kế.

6. Về tiếp cận công trình công cộng và hòa nhập xã hội

- Lồng ghép tiêu chí tiếp cận trong sửa chữa, xây dựng công trình công cộng của xã; ưu tiên hạng mục thiết yếu, khả thi theo nguồn lực.

- Tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia hoạt động văn hóa - thể thao; khuyến khích hình thành nhóm tự lực, hỗ trợ lẫn nhau.

7. Về kiểm tra, giám sát và khen thưởng

- Duy trì kiểm tra, giám sát định kỳ việc thực hiện chính sách; công khai minh bạch, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có đóng góp.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với cấp tỉnh

- Tăng cường tập huấn chuyên môn về xác định mức độ khuyết tật, quản lý dữ liệu, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, truyền thông dễ tiếp cận.
- Bố trí và lồng ghép nguồn lực hỗ trợ cải tạo tiếp cận công trình công cộng tại cấp xã (đường dốc, tay vịn, nhà vệ sinh phù hợp) và hỗ trợ dụng cụ trợ giúp.
- Hỗ trợ kết nối chương trình dạy nghề, việc làm phù hợp; khuyến khích cơ sở sản xuất/kinh doanh tiếp nhận lao động là người khuyết tật.

2. Đối với cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp

- Có mẫu biểu thống kê thống nhất, hướng dẫn cách tổng hợp số liệu 2020-2025 và chế độ báo cáo định kỳ.
- Tăng cường phối hợp y tế - lao động - giáo dục trong các hoạt động sàng lọc, can thiệp sớm và phục hồi chức năng.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật trên địa bàn xã.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh (b/c);
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT; Các PCT UBND xã;
- CT MTTQVN xã và các TC CTXH xã (b/c);
- Trạm y tế xã;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đồng